

PHỤ LỤC 1

Danh mục văn bản quy phạm pháp luật được rà soát

(Kèm theo Báo cáo số 135 /BC-BCT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Bộ Công Thương)

STT	Tên loại văn bản; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
I. Luật, bộ luật của Quốc hội			
1.	Luật số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012	Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/7/2013
2.	Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
3.	Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020	Luật Doanh nghiệp	01/01/2021
4.	Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020	Luật Đầu tư	01/01/2021
5.	Luật số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005	Luật Thương mại	01/01/2006
6.	Luật số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017	Luật Quản lý ngoại thương	01/01/2018
7.	Luật số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023	Luật Giao dịch điện tử	01/7/2024
8.	Luật số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	01/7/2008
10.	Luật số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012	Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá	01/5/2013
11.	Luật số 44/2019/QH14 ngày 14/6/2019	Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia	01/01/2020
12.	Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016	Luật Dược	01/01/2017
13.	Luật số 19/2023/QH15 ngày 20/6/2023	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	01/7/2024
14.	Bộ luật số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015	Bộ luật Hình sự	01/01/2018
15.	Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự	01/01/2018
16.	Luật số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014	Luật Kinh doanh bất động sản	01/7/2015
17.	Luật số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014	Luật Nhà ở	01/7/2015
18.	Luật số 66/2020/QH14 ngày 11/11/2020	Luật Biên phòng Việt Nam	01/01/2022
II. Nghị định của Chính phủ			
1	Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024	Nghị định quy định chi tiết Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	01/7/2024
2	Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021	quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.	01/01/2022
3	Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018	Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc	15/01/2018

		phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	
4	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	22/3/2018
5	Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018	Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại	15/7/2018
6	Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013	Về thương mại điện tử	01/7/2013
7	Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử	01/01/2022
8	Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018	Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hoá	08/3/2018
9	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018	Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương	15/5/2018
10	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	15/8/2013
11	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017	Về kinh doanh rượu	01/11/2017
12	Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15/8/2018	Về kinh doanh xuất khẩu gạo	01/10/2018
13	Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020	Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia	24/02/2020
14	Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018	Về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	02/5/2018
15	Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023	Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	20/6/2023
16	Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá	15/12/2017
17	Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021	sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử.	01/01/2022
18	Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế	15/11/2020
19	Nghị định số 124/2021/NĐ-CP	sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy	01/01/2022

		định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế	
20	Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016	quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.	25/6/2016
21	Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020	sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y	18/02/2020
22	Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019	quy định về quản lý phân bón	01/01/2020
23	Nghị định số 31/2023/NĐ-CP ngày 09/6/2023	Quy định xử phạt vi phạm hành chính về trồng trọt	28/7/2023
24	Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	01/01/2022
25	Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng	28/01/2022
26	Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024	quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành	01/3/2024

Phụ lục II

Nội dung văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ)

(Kèm theo Báo cáo số 135 /BC-BCT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Bộ Công Thương)

I. Mục 9 Chương II. HÀNH VI VI PHẠM VỀ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG			
QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH 98/2020/NĐ-CP	QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI 98/2020/NĐ-CP	CĂN CỨ XÂY DỰNG CÁC HÀNH VI TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI 98/NĐ-CP (CĂN CỨ LƯẬT BVQLNTD 2023)	DANH GIÁ
	Điều 61b. Hành vi vi phạm về cung cấp thông tin của người tiêu dùng Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người tiêu dùng có hành vi <u>cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ về thông tin liên quan đến giao dịch giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật.</u>	Điều 5. Nghĩa vụ của người tiêu dùng 5. Chịu trách nhiệm về việc <u>cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ về thông tin liên quan đến giao dịch giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật.</u> 6. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	- Bổ sung Điều 61b là phù hợp
	Điều 46a. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để bị tổn thương 1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây đối với người tiêu dùng để bị tổn thương: a) <u>Không thực hiện quyền, chính sách ưu tiên theo quy định của pháp luật đối với người tiêu dùng trong quá trình giao dịch;</u>	Điều 8. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để bị tổn thương 2. Việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để bị tổn thương được thực hiện như sau: a) Người tiêu dùng để bị tổn thương <u>được bảo đảm các quyền của người tiêu dùng theo quy định của Luật này và các quyền, chính sách ưu tiên theo quy định khác của pháp luật có liên quan;</u> b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh chủ động, tự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này; c) Khi người tiêu dùng để bị tổn thương có yêu cầu được bảo vệ kèm theo chứng cứ, tài liệu chứng minh mình là người tiêu dùng để bị tổn thương và về việc quyền lợi của mình bị xâm	- Bổ sung Điều 46b là phù hợp
	b) <u>Không ưu tiên tiếp nhận, xử lý hoặc chuyển yêu cầu của người tiêu dùng cho bên thứ ba không có nghĩa vụ liên quan giải quyết</u>		

	<u>khi người tiêu dùng dễ bị tổn thương có yêu cầu được bảo vệ kèm theo chứng cứ, tài liệu chứng minh mình là người tiêu dùng dễ bị tổn thương và về việc quyền lợi của mình bị xâm phạm:</u> c) <u>Từ chối giải quyết yêu cầu của người tiêu dùng dễ bị tổn thương nhưng không trả lời bằng văn bản hoặc văn bản từ chối giải quyết yêu cầu của người tiêu dùng dễ bị tổn thương không nêu rõ căn cứ pháp lý và sự không phù hợp với nội dung chính sách đã công bố theo quy định:</u>	<u>phạm, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải ưu tiên tiếp nhận, xử lý và không chuyển yêu cầu của người tiêu dùng cho bên thứ ba giải quyết, trừ trường hợp bên thứ ba đó có nghĩa vụ liên quan.</u> Trường hợp từ chối giải quyết yêu cầu của người tiêu dùng dễ bị tổn thương, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ căn cứ pháp lý và sự không phù hợp với nội dung chính sách đã công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này; d) Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự cho người tiêu dùng dễ bị tổn thương trong trường hợp chậm, từ chối ưu tiên hoặc từ chối tiếp nhận, xử lý yêu cầu của người tiêu dùng theo quy định tại điểm c khoản này; đ) Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội bảo đảm ưu tiên tiếp nhận, xử lý yêu cầu của người tiêu dùng dễ bị tổn thương và hướng dẫn người tiêu dùng dễ bị tổn thương cung cấp các chứng cứ, tài liệu về việc quyền lợi của mình bị xâm phạm; e) Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh trong quá trình tổ chức thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này phù hợp với thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
--	---	--

	<u>d Không bảo đảm việc thực hiện quyền của người tiêu dùng để bị tổn thương trong quá trình mua bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.</u> <u>đ) Không áp dụng cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp theo quy định của pháp luật phù hợp với từng đối tượng người tiêu dùng để bị tổn thương.</u> <u>e) Từ chối giải quyết yêu cầu được bảo vệ của người tiêu dùng để bị tổn thương do khác biệt về tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán.</u> <u>g) Không xây dựng hoặc không ban hành trình tự, thủ tục, phương thức hoặc biên pháp phù hợp với từng đối tượng người tiêu dùng để bị tổn thương để bảo đảm quyền khiếu nại, yêu cầu giải quyết tranh chấp và các quyền khác của người tiêu dùng để bị tổn thương.</u> <u>h) Không xây dựng, không cập nhật, hoặc không công khai cho người tiêu dùng để bị tổn thương các nội dung, cơ chế, chính sách áp dụng với người tiêu dùng để bị tổn thương theo quy định hoặc không đào tạo, tập huấn cho người lao động của mình về các nội dung, cơ chế, chính sách đó theo quy định (trừ trường hợp hành vi do cá nhân hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên không phải</u>	3. Khi giao dịch với người tiêu dùng để bị tổn thương, tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm sau đây: a) <u>Bảo đảm việc thực hiện quyền của người tiêu dùng để bị tổn thương trong quá trình mua bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật;</u> b) <u>Áp dụng cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp theo quy định của pháp luật phù hợp với từng đối tượng người tiêu dùng để bị tổn thương;</u> c) <u>Không được từ chối giải quyết yêu cầu được bảo vệ của người tiêu dùng để bị tổn thương quy định tại điểm c khoản 2 Điều này do khác biệt về tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán;</u> đ) <u>Xây dựng, ban hành trình tự, thủ tục, phương thức hoặc biên pháp phù hợp với từng đối tượng người tiêu dùng để bị tổn thương để bảo đảm quyền khiếu nại, yêu cầu giải quyết tranh chấp và các quyền khác của người tiêu dùng để bị tổn thương;</u> e) <u>Xây dựng, cập nhật, công khai cho người tiêu dùng để bị tổn thương các nội dung quy định tại khoản này theo hình thức niêm yết tại trụ sở, địa điểm kinh doanh hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) và đào tạo, tập huấn cho người lao động của mình về các nội dung đó.</u> Trách nhiệm quy định tại điểm này không bắt buộc áp dụng đối với cá nhân hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên, không phải đăng ký
--	--	--

	<u>đăng ký kinh doanh hoặc do doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ theo quy định của pháp luật thực hiện giao dịch không được quy định tại Chương III Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng).</u> 2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử với người tiêu dùng để bị tổn thương hoặc lợi dụng yếu tố dễ bị tổn thương để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng trong quá trình thực hiện giao dịch.	kinh doanh; doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp doanh nghiệp đó thực hiện giao dịch quy định tại Chương III của Luật này; g) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. <u>d) Chống kỳ thị, phân biệt đối xử, lợi dụng yếu tố dễ bị tổn thương để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng trong quá trình thực hiện giao dịch;</u>	- Không đề xuất
		Điều 14. Bảo đảm an toàn, đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho người tiêu dùng 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải bảo đảm an toàn, đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho người tiêu dùng theo đúng nội dung đã đăng ký, thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết hoặc theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải cảnh báo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có khả năng gây mất an toàn, ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng và thông báo về các biện pháp phòng ngừa theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi, bổ sung Điều 46 là phù hợp
Mục 9. HÀNH VI VI PHẠM VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG			

Điều 46. Hành vi vi phạm về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thông báo rõ ràng, công khai với người tiêu dùng về mục đích trước khi thực hiện hoạt động thu thập, sử dụng thông tin của người tiêu dùng theo quy định; b) Sử dụng thông tin của người tiêu dùng không phù hợp với mục đích đã thông báo với người tiêu dùng mà không được người tiêu dùng đồng ý theo quy định; c) Không bảo đảm an toàn, chính xác, đầy đủ đối với thông tin của người tiêu dùng khi thu thập, sử dụng, chuyển giao theo quy định; d) Không tự điều chỉnh hoặc không có biện pháp để người tiêu dùng cập nhật, điều chỉnh thông tin khi phát hiện thấy thông tin không chính xác theo quy định; đ) Chuyển giao thông tin của người tiêu dùng cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý của người tiêu dùng theo quy định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Phạt tiền gấp hai lần các mức tiền phạt quy định tại khoản 1 Điều này đối với trường hợp thông tin có liên quan là thông tin thuộc về bí mật cá nhân của người tiêu dùng.	Điều 46. Hành vi vi phạm về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Không lập văn bản để thực hiện ủy quyền hoặc thuê bên thứ ba thực hiện việc thu thập, lưu trữ, sử dụng, chỉnh sửa, cập nhật, hủy bỏ thông tin của người tiêu dùng theo quy định.</u> b) <u>Lập văn bản ủy quyền hoặc thuê bên thứ ba thực hiện việc thu thập, lưu trữ, sử dụng, chỉnh sửa, cập nhật, hủy bỏ thông tin của người tiêu dùng nhưng nội dung văn bản không quy định hoặc quy định không rõ phạm vi, trách nhiệm của mỗi bên trong việc bảo vệ thông tin của người tiêu dùng theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật có liên quan.</u> c) <u>Ủy quyền hoặc thuê bên thứ ba thực hiện việc thu thập, lưu trữ, sử dụng, chỉnh sửa, cập nhật, hủy bỏ thông tin của người tiêu dùng nhưng chưa được sự đồng ý của người tiêu dùng.</u> d) <u>Không xây dựng hoặc xây dựng quy tắc bảo vệ thông tin áp dụng chung cho người tiêu dùng không đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.</u>	Điều 15. Bảo vệ thông tin của người tiêu dùng 2. <u>Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh ủy quyền hoặc thuê bên thứ ba thực hiện việc thu thập, lưu trữ, sử dụng, chỉnh sửa, cập nhật, hủy bỏ thông tin của người tiêu dùng thì phải được sự đồng ý của người tiêu dùng.</u> <u>Việc ủy quyền hoặc thuê bên thứ ba phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó quy định rõ phạm vi, trách nhiệm của mỗi bên trong việc bảo vệ thông tin của người tiêu dùng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> Điều 16. Xây dựng quy tắc bảo vệ thông tin của người tiêu dùng 1. <u>Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, tổ chức, cá nhân kinh doanh thu thập, lưu trữ, sử dụng thông tin của người tiêu dùng phải xây dựng quy tắc bảo vệ thông tin áp dụng chung cho người tiêu dùng với các nội dung sau đây:</u> a) Mục đích thu thập thông tin; b) Phạm vi sử dụng thông tin; c) Thời hạn lưu trữ thông tin; d) Biện pháp bảo vệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin của người tiêu dùng. 2. <u>Nội dung quy định tại khoản 1 Điều này phải được tổ chức, cá nhân kinh doanh công khai theo hình thức niêm yết ở vị trí dễ nhìn thấy tại</u>
--	--	--

	<u>đ) Không công khai hoặc công khai quy tắc bảo vệ thông tin áp dụng chung cho người tiêu dùng không đúng hình thức quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.</u> <u>e) Không tạo điều kiện để người tiêu dùng tiếp cận quy tắc bảo vệ thông tin của người dùng trước hoặc tại thời điểm thu thập thông tin:</u> <u>g) Không thông báo hoặc thông báo không rõ ràng, không công khai, hoặc hình thức thông báo không phù hợp với người tiêu dùng về mục đích, phạm vi thu thập, sử dụng thông tin, thời hạn lưu trữ thông tin của người tiêu dùng trước khi thực hiện thu thập, sử dụng thông tin người tiêu dùng:</u> <u>h) Thực hiện thu thập, sử dụng thông tin của người tiêu dùng khi chưa được người tiêu dùng đồng ý theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này:</u> <u>i) Không thiết lập hoặc thiết lập phương thức không rõ ràng để người tiêu dùng lựa chọn phạm vi thông tin đồng ý cung cấp và bày tỏ sự đồng ý hoặc không đồng ý theo quy định.</u>	<u>tru sở, địa điểm kinh doanh và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có), tạo điều kiện để người tiêu dùng tiếp cận trước hoặc tại thời điểm thu thập thông tin.</u> Điều 17. Thông báo khi thu thập, sử dụng thông tin của người tiêu dùng 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thông báo rõ ràng, công khai, bằng hình thức phù hợp với người tiêu dùng về mục đích, phạm vi thu thập, sử dụng thông tin, thời hạn lưu trữ thông tin của người tiêu dùng trước khi thực hiện và phải được người tiêu dùng đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. 2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thiết lập phương thức rõ ràng để người tiêu dùng lựa chọn phạm vi thông tin đồng ý cung cấp và bày tỏ sự đồng ý hoặc không đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 18 của Luật này. 3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp thu thập thông tin đã được người tiêu dùng công khai hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Điều 18. Sử dụng thông tin của người tiêu dùng 1. Trước khi tổ chức, cá nhân kinh doanh thay đổi mục đích, phạm vi sử dụng thông tin đã thông báo cho người tiêu dùng thì phải thông
--	---	--

k) Không thông báo lại cho người tiêu dùng trước khi thay đổi mục đích, phạm vi sử dụng thông tin đã thông báo cho người tiêu dùng hoặc thay đổi mục đích, phạm vi sử dụng thông tin đã thông báo cho người tiêu dùng khi chưa được người tiêu dùng đồng ý.

l) Sử dụng thông tin của người tiêu dùng không chính xác, không phù hợp với mục đích, phạm vi đã thông báo.

m) Không có cơ chế để người tiêu dùng lựa chọn việc cho phép hoặc không cho phép thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 18 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

báo lại và được người tiêu dùng đồng ý về việc thay đổi.

2. Việc sử dụng thông tin của người tiêu dùng quy định trong Luật này bao gồm cả việc chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin của người tiêu dùng cho bên thứ ba.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải sử dụng thông tin của người tiêu dùng chính xác, phù hợp với mục đích, phạm vi đã thông báo và phải được người tiêu dùng đồng ý, trừ các trường hợp sau đây:

a) Có thỏa thuận riêng với người tiêu dùng về mục đích, phạm vi sử dụng ngoài những mục đích, phạm vi đã thông báo;

b) Để bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của người tiêu dùng và chỉ trong phạm vi thông tin do người tiêu dùng đã đồng ý;

c) Để thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thu thập, sử dụng thông tin của người tiêu dùng phải có cơ chế để người tiêu dùng lựa chọn việc cho phép hoặc không cho phép thực hiện các hành vi sau đây:

a) Chia sẻ, tiết lộ, chuyển giao thông tin cho bên thứ ba, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh, chuyển giao thông tin đã được thu thập phù hợp quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan cho bên thứ ba lưu trữ hoặc phân tích phục vụ hoạt động kinh doanh của bên chuyển giao và hai bên đã có thỏa thuận bằng văn bản về việc bên thứ ba có trách nhiệm báo về thông tin người tiêu dùng theo quy định tại Luật này.

	n) <u>Không thực hiện yêu cầu của người tiêu dùng về việc kiểm tra, chỉnh sửa, cấp nhất, hủy bỏ, chuyển giao, ngừng chuyển giao thông tin của người tiêu dùng hoặc không cung cấp cho người tiêu dùng công cụ, thông tin để tự thực hiện theo quy định của pháp luật:</u> o) <u>Không hủy bỏ thông tin của người tiêu dùng khi hết thời hạn lưu trữ theo quy tắc bảo vệ thông tin áp dụng chung cho người tiêu dùng hoặc quy định của pháp luật.</u> 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Không có biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng khi thu thập, lưu trữ, sử dụng hoặc không có biện pháp ngăn ngừa các hành vi vi phạm an toàn,</u>	b) <u>Sử dụng thông tin của người tiêu dùng để quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và hoạt động có tính chất thương mại khác.</u> Điều 20. Kiểm tra, chỉnh sửa, cấp nhất, hủy bỏ, chuyển giao, ngừng chuyển giao thông tin của người tiêu dùng 1. <u>Người tiêu dùng có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện việc kiểm tra, chỉnh sửa, cấp nhất, hủy bỏ, chuyển giao hoặc ngừng chuyển giao thông tin của mình cho bên thứ ba.</u> 2. <u>Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của người tiêu dùng theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc cung cấp cho người tiêu dùng công cụ, thông tin để tự thực hiện theo quy định của pháp luật.</u> 3. <u>Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải hủy bỏ thông tin của người tiêu dùng khi hết thời hạn lưu trữ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 của Luật này hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> Điều 19. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng 1. <u>Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng mà họ thu thập, lưu trữ, sử dụng và có biện pháp ngăn ngừa các hành vi sau đây:</u> a) <u>Đánh cắp hoặc tiếp cận thông tin trái phép;</u> b) <u>Sử dụng thông tin trái phép;</u> c) <u>Chỉnh sửa, cấp nhất, hủy bỏ thông tin trái phép.</u> 2. <u>Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến việc thông tin bị</u>
--	---	--

an ninh thông tin của người tiêu dùng theo quy định:

b) Không tiếp nhận hoặc không giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến việc thông tin bị thu thập trái phép, sử dụng sai mục đích, phạm vi đã thông báo;

c) Không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hệ thống thông tin bị tấn công hoặc không thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng theo quy định trong trường hợp hệ thống thông tin bị tấn công làm phát sinh nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng;

d) Chuyển giao thông tin của người tiêu dùng cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý của người tiêu dùng theo quy định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong trường hợp thông tin có liên quan là dữ liệu cá nhân nhạy cảm của người tiêu dùng, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Phạt tiền gấp bốn lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm do tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số lớn thực hiện.

thu thập trái phép, sử dụng sai mục đích, phạm vi đã thông báo.

3. Trong trường hợp hệ thống thông tin bị tấn công làm phát sinh nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc bên lưu trữ thông tin liên quan phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hệ thống thông tin bị tấn công và thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 47. Hành vi vi phạm về cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với thương nhân có một trong các hành vi vi phạm về cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng sau đây: a) Không cảnh báo khả năng hàng hóa, dịch vụ có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của người tiêu dùng và các biện pháp phòng ngừa theo quy định; b) Không cung cấp thông tin về khả năng cung ứng linh kiện, phụ kiện thay thế của hàng hóa theo quy định; c) Không cung cấp hướng dẫn sử dụng hoặc không cung cấp thông tin về điều kiện, thời hạn, địa điểm, thủ tục bảo hành trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ có bảo hành theo quy định; d) Không thông báo chính xác, đầy đủ cho người tiêu dùng về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trước khi giao dịch theo quy định;	Điều 47. Hành vi vi phạm về cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho người tiêu dùng và cung cấp thông tin bị xử lý vi phạm theo quy định 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Cung cấp thông tin không chính xác hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ cho người tiêu dùng theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;</u> b) <u>Không cung cấp thông tin về khả năng cung ứng linh kiện, phụ kiện thay thế của sản phẩm, hàng hóa;</u> c) <u>Không cung cấp hướng dẫn sử dụng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;</u> d) <u>Không cung cấp rõ ràng, công khai thông tin về thành phần, chức năng, lợi ích khác biệt đối với sản phẩm, hàng hóa được sản xuất, dịch vụ được cung cấp dành riêng cho từng giới tính;</u>	Điều 21. Cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho người tiêu dùng Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm sau đây: 1. <u>Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về các nội dung sau đây:</u> a) <u>Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: đồ lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng, giá, xuất xứ hàng hóa, thời hạn sử dụng, phí, chi phí, phương thức, thời hạn giao hàng, phương thức vận chuyển, thanh toán;</u> b) <u>Tổ chức, cá nhân kinh doanh;</u> c) <u>Nhân xét, đánh giá của người tiêu dùng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh (nếu có);</u> 2. Thực hiện ghi nhãn hàng hóa bảo đảm trung thực, rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng bản chất của hàng hóa theo quy định của pháp luật; 3. Niêm yết giá theo quy định của pháp luật về giá; 4. <u>Cung cấp thông tin về khả năng cung ứng linh kiện, phụ kiện thay thế của sản phẩm, hàng hóa;</u> 5. <u>Cung cấp hướng dẫn sử dụng; chính sách bảo hành theo quy định tại Điều 30 của Luật này trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có bảo hành;</u> 6. <u>Mình bạch thông tin về thành phần, chức năng, lợi ích khác biệt đối với sản phẩm, hàng hóa được sản xuất, dịch vụ được cung cấp dành riêng cho từng giới tính;</u>	Sửa đổi, bổ sung Điều 47 là phù hợp
--	---	--	--

d) Che giấu thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, sai lệch, không chính xác cho người tiêu dùng theo quy định. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với bên thứ ba có một trong các hành vi vi phạm sau đây về cung cấp thông tin của hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng: a) Cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về hàng hóa, dịch vụ được cung cấp theo quy định; b) Không có chứng cứ chứng minh hoặc không thực hiện tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của thông tin về hàng hóa, dịch vụ.	2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: <i>a) Lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng thông qua việc cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, không chính xác về một trong các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.</i>	7. Thông báo chính xác, đầy đủ cho người tiêu dùng về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trước khi giao dịch. Điều 14. Bảo đảm an toàn, đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho người tiêu dùng 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải bảo đảm an toàn, đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho người tiêu dùng theo đúng nội dung đã đăng ký, thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết hoặc theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải cảnh báo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có khả năng gây mất an toàn, ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng và thông báo về các biện pháp phòng ngừa theo quy định của pháp luật. Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh <u>bị nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây:</u> <i>a) Lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng thông qua việc cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, không chính xác về một trong các nội dung sau đây:</i> sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà tổ chức, cá nhân kinh doanh bán, cung cấp; uy tín, khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh; nội dung, đặc điểm giao dịch giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh; hình ảnh, giấy tờ, tài liệu chứng nhận
--	---	--

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với chủ phương tiện truyền thông, người cung cấp dịch vụ truyền thông là bên thứ ba có một trong các hành vi vi phạm sau đây về cung cấp thông tin của hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng: a) Không có giải pháp kỹ thuật ngăn chặn việc phương tiện, dịch vụ do mình quản lý bị sử dụng vào mục đích quấy rối người tiêu dùng;	b) <u>Không thông báo hoặc thông báo không chính xác hoặc thông báo không đầy đủ cho người tiêu dùng về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trước khi giao dịch theo quy định;</u> c) <u>Không cung cấp chính sách bảo hành hoặc không công bố công khai chính sách bảo hành với các nội dung chủ yếu theo quy định trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có bảo hành;</u> d) <u>Không cảnh báo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có khả năng gây mất an toàn, ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng hoặc không thông báo về các biện pháp phòng ngừa theo quy định của pháp luật;</u> đ) <u>Không thông báo trước hoặc không công khai cho người tiêu dùng việc tài trợ cho người có ảnh hưởng dưới mọi hình thức để sử dụng hình ảnh, lời khuyên, khuyến nghị của người này nhằm xúc tiến thương mại hoặc khuyến khích người tiêu dùng mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;</u> e) <u>Không cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thông qua hệ thống thông tin, báo cáo theo quy định của pháp luật do có hành vi kinh doanh trên không gian mạng bị xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hoá,	của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh; l) Quy định điều khoản không được phép tại Điều 25 của Luật này trong hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; m) Thu thập, lưu trữ, sử dụng, chỉnh sửa, cập nhật, hủy bỏ thông tin của người tiêu dùng trái quy định của pháp luật. Điều 22. Trách nhiệm của bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng 1. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng thông qua bên thứ ba thì <u>bên thứ ba có trách nhiệm sau đây:</u>
--	---	--

b) Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ sử dụng phương tiện, dịch vụ do mình quản lý để quấy rối người tiêu dùng. 4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề từ 01 tháng đến 06 tháng hoặc đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.	<u>dịch vụ cho người tiêu dùng có mặt trong các hành vi vi phạm sau đây:</u> <u>a) Cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp và chương trình đánh giá, xếp hạng liên quan (nếu có) theo quy định từ trường hợp chúng mình đã thực hiện tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:</u>	<u>a) Bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp và chương trình đánh giá, xếp hạng liên quan (nếu có):</u> b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp thông tin, tài liệu, phương tiện để chúng mình kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; c) <u>Chịu trách nhiệm liên đới về việc cung cấp thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, từ trường hợp chúng mình đã thực hiện tất cả biện pháp theo quy định của pháp luật để kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:</u> d) Thực hiện quy định khác của pháp luật có liên quan.	
	<u>b) Không thông báo trước cho người tiêu dùng về việc mình được tài trợ để cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp bên thứ ba là người có ảnh hưởng.</u> 4. Phạt tiền gấp 02 lần mức tiền phạt quy định tại khoản 4 Điều này đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này trong trường hợp bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng là chủ phương tiện truyền thông, người cung cấp dịch vụ truyền thông. 5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với chủ phương tiện truyền thông, người cung cấp dịch vụ truyền	2. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng thông qua phương tiện truyền thông <u>thì chủ phương tiện truyền thông, nhà cung cấp dịch vụ truyền thông có trách nhiệm sau đây:</u> <u>a) Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này:</u> <u>b) Xây dựng, phát triển, thực hiện giải pháp kỹ thuật ngăn chặn việc phương tiện, dịch vụ do</u>	

	thông là bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho người tiêu dùng có một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Không xây dựng hoặc không phát triển hoặc không thực hiện giải pháp kỹ thuật ngăn chặn việc phung phí, dịch vụ do mình quản lý bị sử dụng vào mục đích quấy rối người tiêu dùng;</u> b) <u>Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ sử dụng phương tiện, dịch vụ do mình quản lý để quấy rối người tiêu dùng;</u> c) <u>Không thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc ngừng cho tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng phương tiện, dịch vụ do mình quản lý để thực hiện hành vi quấy rối người tiêu dùng.</u> 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này.	<u>mình quản lý bị sử dụng vào mục đích quấy rối người tiêu dùng;</u> c) <u>Từ chối cho tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng phương tiện, dịch vụ do mình quản lý để quấy rối người tiêu dùng;</u> d) <u>Ngừng cho tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng phương tiện, dịch vụ do mình quản lý để thực hiện hành vi quấy rối người tiêu dùng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u> 3. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thông qua người có ảnh hưởng thì người có ảnh hưởng có trách nhiệm sau đây: a) <u>Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này;</u> b) <u>Thông báo trước cho người tiêu dùng về việc mình được tài trợ để cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.</u>	Điều 23. Hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung 1. <u>Hình thức hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được thực hiện theo quy định của pháp</u>	Điều 48. Hành vi vi phạm về hợp đồng giao kết với người tiêu dùng 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Ký kết hợp đồng với người tiêu dùng với hình thức, ngôn ngữ hợp đồng không đúng quy định; b) Không cho người tiêu dùng xem xét toàn bộ hợp đồng trước khi giao kết trong trường hợp giao kết hợp đồng bằng phương tiện điện tử theo quy định. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả:	Điều 48. Hành vi vi phạm về hình thức hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giao kết hợp đồng với người tiêu dùng hoặc sử dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung để giao kết hoặc áp dụng với người tiêu dùng có một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Không sử dụng ngôn ngữ bằng tiếng Việt;</u> b) <u>Không thực hiện đúng quy định về cỡ chữ tối thiểu, mức độ tương phản màu chữ và</u>	Sửa đổi, bổ sung Điều 48 là phù hợp
--	--	--	---	--	---	---

Bước sửa đổi lại hợp đồng đã giao kết theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.	<u>màu nền thể hiện nội dung hoặc bố cục, thiết kế của văn bản trong trường hợp giao kết bằng văn bản.</u> 2. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Bước sửa đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	<u>luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> <u>2. Ngôn ngữ, hình thức của hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp bằng văn bản phải được thể hiện rõ ràng, dễ hiểu.</u> <u>Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung là tiếng Việt.</u> Các bên có thể thỏa thuận sử dụng thêm tiếng dân tộc khác của Việt Nam hoặc tiếng nước ngoài. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt với bản tiếng dân tộc khác của Việt Nam hoặc bản tiếng nước ngoài, bản có lợi hơn cho người tiêu dùng được ưu tiên áp dụng. <u>3. Hợp đồng theo mẫu phải có các nội dung cơ bản sau đây:</u> a) Thông tin của các bên trong hợp đồng bao gồm: tên, địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên hệ khác (nếu có); b) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được bán, cung cấp theo hợp đồng;); 1) Thời điểm giao kết hợp đồng, thời hạn của hợp đồng. 4. Ngoài các nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 Điều này, hợp đồng theo mẫu phải tuân thủ quy định của pháp luật khác có liên quan, 5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này. Điều 24. Giải thích hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung Trong trường hợp hiểu khác nhau về nội dung hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp
---	--	--

Điều 49. Hành vi vi phạm về đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hủy bỏ hoặc sửa đổi nội dung hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc trái với nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng. 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không đăng ký hoặc không đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định; b) Không thông báo cho người tiêu dùng về việc thay đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định; c) Không áp dụng đúng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định. 3. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này trong trường hợp hành vi	Điều 49. Hành vi vi phạm về nội dung của hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung 1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Sử dụng ngôn ngữ trong hợp đồng giao kết với người tiêu dùng không rõ ràng hoặc không dễ hiểu;</u> b) <u>Quy định nội dung hợp đồng có điều khoản không tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;</u> c) <u>Quy định điều khoản không được phép theo quy định trong hợp đồng.</u> 2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thì việc giải thích được thực hiện theo hướng có lợi cho người tiêu dùng.	Sửa đổi, bổ sung Điều 49 là phù hợp
		Điều 25. Điều khoản không được phép quy định trong hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung <u>Trong hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, tổ chức, cá nhân kinh doanh không được quy định các điều khoản sau đây:</u> 1. Hạn chế, loại trừ trách nhiệm được pháp luật quy định của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng, trừ trường hợp pháp luật liên quan quy định trách nhiệm đó được hạn chế, loại trừ; 2. Hạn chế, loại trừ quyền khiếu nại, khởi kiện của người tiêu dùng; .) ...; 15. Quy định trái với nguyên tắc thiện chí theo quy định của pháp luật về dân sự, dẫn đến mất cân bằng về quyền và nghĩa vụ của các bên theo hướng bất lợi cho người tiêu dùng.	

vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.	a) Hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp là hợp đồng theo mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung; b) Sử dụng hợp đồng theo mẫu không có một trong các nội dung cơ bản theo quy định. 3. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Bước sửa đổi hợp đồng theo mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.		
Điều 50. Hành vi vi phạm về hình thức hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng có một trong các vi phạm sau đây: a) Có cỡ chữ nhỏ hơn quy định; b) Ngôn ngữ hợp đồng không phải là tiếng Việt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác; c) Nền giấy và màu mực thể hiện nội dung hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không tương phản nhau. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Bước sửa đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.	Điều 50. Hành vi vi phạm về giao kết, thực hiện hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: b) <u>Không lưu giữ hợp đồng theo mẫu đã giao kết cho đến khi hợp đồng hết hiệu lực theo quy định;</u> c) <u>Không cung cấp hoặc cung cấp không đúng thời hạn cho người tiêu dùng bản sao hợp đồng trong trường hợp hợp đồng do người tiêu dùng giữ bị mất hoặc hư hỏng theo quy định.</u> 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc công khai hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51;</u>		Sửa đổi, bổ sung Điều 50 là phụ hợp

	<u>b) Điều kiện giao dịch chung không quy định rõ thời điểm áp dụng.</u> 3. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định tại khoản 1 và 2 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.		
Điều 51. Hành vi vi phạm về thực hiện hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không lưu giữ hợp đồng theo mẫu đã giao kết cho đến khi hợp đồng hết hiệu lực theo quy định; b) Không cấp cho người tiêu dùng bản sao hợp đồng trong trường hợp hợp đồng do người tiêu dùng giữ bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị người tiêu dùng giữ bị mất hoặc hư hỏng theo quy định. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thông báo công khai điều kiện giao dịch chung trước khi giao dịch với người tiêu dùng theo quy định; b) Điều kiện giao dịch chung không xác định rõ thời điểm áp dụng hoặc không được niêm yết ở nơi thuận lợi tại địa điểm giao dịch để người tiêu dùng có thể nhìn thấy theo quy định.	Điều 51. Hành vi vi phạm về đăng ký, đăng ký lại, công khai và thông báo về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc phạm vi phải đăng ký 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không gửi báo cáo tình hình đăng ký, áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tới cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký theo quy định hoặc gửi báo cáo không đúng quy định. 2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không công bố công khai thông báo hoàn thành đăng ký hoặc đăng ký lại; b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc công bố công khai bản hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã hoàn thành đăng ký hoặc đăng ký lại theo quy định. 3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không đăng ký hoặc không đăng ký lại hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định;	Điều 26. Thực hiện hợp đồng theo mẫu 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải dành thời gian hợp lý để người tiêu dùng nghiên cứu hợp đồng trước khi giao kết hợp đồng theo mẫu. 2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải lưu giữ hợp đồng theo mẫu đã giao kết cho đến khi hợp đồng hết hiệu lực. Trường hợp hợp đồng do người tiêu dùng giữ bị mất hoặc hư hỏng thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm cung cấp bản sao hợp đồng. 3. Hợp đồng theo mẫu phải được tổ chức, cá nhân kinh doanh công khai theo hình thức niêm yết ở vị trí dễ nhìn thấy tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) để người tiêu dùng biết về nội dung của hợp đồng trước khi người tiêu dùng giao kết hợp đồng hoặc thực hiện hoạt động đặt cọc, thanh toán trước khi hợp đồng được giao kết. Điều 27. Thực hiện điều kiện giao dịch chung 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng điều kiện giao dịch chung có trách nhiệm công khai và phải dành thời gian hợp lý để người tiêu dùng nghiên cứu điều kiện giao dịch chung trước khi giao dịch.	Sửa đổi, bổ sung Điều 51 là phù hợp

b) Không công khai hợp đồng theo mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung để người tiêu dùng biết về nội dung của các văn bản này theo quy định trước khi người tiêu dùng thực hiện việc đặt cọc, ký quỹ, thanh toán hoặc thực hiện hoặc các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác liên quan đến việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

4. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

Điều 52. Hành vi vi phạm về hủy bỏ hoặc sửa đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng về việc hủy bỏ hoặc sửa đổi nội dung hợp đồng theo mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc công khai hợp đồng theo mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung đã sửa đổi hoặc đã hủy bỏ nội dung vi phạm theo hình thức và trong thời hạn theo quy định.

2. Điều kiện giao dịch chung phải quy định rõ thời điểm áp dụng và phải được tổ chức, cá nhân kinh doanh công khai theo hình thức niêm yết ở vị trí dễ nhìn thấy tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) để người tiêu dùng biết về nội dung của điều kiện giao dịch chung.

3. Điều kiện giao dịch chung chỉ có hiệu lực với người tiêu dùng trong trường hợp điều kiện giao dịch chung đã được công khai để người tiêu dùng biết về điều kiện đó trước khi giao dịch.

Điều 28. Kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có số lượng lớn người tiêu dùng mua, sử dụng thường xuyên, liên tục, có tác động trực tiếp, lâu dài đến người tiêu dùng phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước khi sử dụng để giao kết với người tiêu dùng.

Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại Điều này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tự mình hoặc theo đề nghị của người tiêu dùng hoặc tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trong trường hợp được người tiêu dùng ủy quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hủy bỏ hoặc sửa đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch

	c) <u>Không thông báo cho người tiêu dùng đã giao kết hợp đồng để áp dụng điều kiện giao dịch chung mới.</u> d) <u>Không giao kết lại hợp đồng theo mẫu trong trường hợp người tiêu dùng có yêu cầu sau khi hợp đồng theo mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung đã được sửa đổi hoặc hủy bỏ nội dung vi phạm.</u> 2. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.	chung khi phát hiện hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng. 3. Việc xác định hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ, sửa đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã xác lập với người tiêu dùng trong giao dịch cụ thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. 4. Cơ quan quản lý ngân hàng, lĩnh vực, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại Điều này. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
Điều 52. Hành vi vi phạm về giao kết hợp đồng, điều kiện giao dịch chung với người tiêu dùng 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ giao kết hợp đồng với người tiêu dùng có điều khoản không có hiệu lực theo quy định. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp là hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. 3. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định tại khoản 1 và 2 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả:			

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều này.			
Điều 53. Hành vi vi phạm về hợp đồng giao kết từ xa 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giao kết hợp đồng từ xa với người tiêu dùng đối với một trong các trường hợp sau đây: a) Không cung cấp đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định;	Điều 53. Hành vi vi phạm trong giao dịch từ xa 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với <u>hành vi không thông tin ngay từ đầu về tên, địa chỉ và mục đích của cuộc đàm thoại khi giao dịch được thực hiện thông qua điện thoại hoặc hình thức liên lạc, đàm thoại khác.</u> 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: <u>a) Không thực hiện trách nhiệm xây dựng công cụ hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi giao dịch từ xa với người tiêu dùng;</u>	Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH ĐỐI VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG GIAO DỊCH ĐẶC THÙ Mục 1. GIAO DỊCH TỪ XA Điều 37. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong giao dịch từ xa 1. Khi thực hiện giao dịch từ xa, tổ chức, cá nhân kinh doanh <u>phải cung cấp chính xác và đầy đủ cho người tiêu dùng các thông tin sau đây:</u> a) Tên, địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên hệ khác (nếu có) của tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc của đại diện của tổ chức, cá nhân kinh doanh tại Việt Nam (nếu có); .) ...; i) Quyền của người tiêu dùng quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật này; k) Quy trình xử lý việc đổi, trả sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoặc chấm dứt thực hiện hợp đồng đã giao kết; l) Quy trình tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng. 2. <u>Trường hợp giao dịch được thực hiện thông qua điện thoại hoặc hình thức liên lạc, đàm thoại khác, tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm thông tin ngay từ đầu về tên, địa chỉ của mình và mục đích của cuộc đàm thoại.</u> 3. Trường hợp giao dịch được thực hiện trên không gian mạng, tổ chức, cá nhân kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung Điều 53 là phù hợp

b) Không hoàn lại tiền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người tiêu dùng tuyên bố đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng đã giao kết hoặc không trả lãi đối với khoản tiền chậm trả cho người tiêu dùng theo quy định; c) Hạn chế hoặc cản trở người tiêu dùng đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng đã giao kết trong thời hạn mười ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh	c) <u>Cung cấp không chính xác hoặc cung cấp không đầy đủ cho người tiêu dùng các thông tin theo quy định khi thực hiện giao dịch từ xa theo quy định:</u> d) <u>Không hoàn trả cho người tiêu dùng khoản tiền đã thanh toán tương ứng với phần sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chưa sử dụng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người tiêu dùng tuyên bố đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng đã giao kết hoặc không trả lãi đối với khoản tiền chậm trả cho người tiêu dùng theo quy định.</u> đ) <u>Hạn chế hoặc cản trở người tiêu dùng thực hiện việc thỏa thuận lựa chọn cách thức xử lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân kinh doanh trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp không chính xác, không đầy đủ thông tin theo quy định:</u> e) <u>Hạn chế hoặc cản trở người tiêu dùng đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng trong giao dịch từ xa đã giao kết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng khi tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp không chính xác, không đầy đủ thông tin theo quy định:</u> g) <u>Ép buộc hoặc yêu cầu người tiêu dùng phải trả chi phí để được chấm dứt thực hiện hợp đồng đã giao kết, trừ chi phí đối với phần sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã được người tiêu dùng sử dụng, trong trường hợp tổ chức,</u>	có trách nhiệm thực hiện quy định của Luật này, pháp luật về thương mại điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Điều 38. Giao kết hợp đồng trong giao dịch từ xa 1. Khi giao dịch từ xa với người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm xây dựng công cụ và thực hiện biện pháp bảo đảm sau đây: a) Cung cấp chính xác, đầy đủ nội dung hợp đồng để người tiêu dùng nghiên cứu trước khi giao kết hợp đồng; b) Người tiêu dùng trao đổi, làm rõ nội dung hợp đồng và xác nhận đồng ý giao kết hợp đồng; c) Người tiêu dùng xem lại và tài về hợp đồng đã có xác nhận ký kết của người tiêu dùng. 2. <u>Nội dung hợp đồng bao gồm: các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật này: tên, địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên hệ khác (nếu có) của người tiêu dùng; quyền và nghĩa vụ của các bên.</u> <u>Trường hợp có nhiều bên tham gia thực hiện hợp đồng, nội dung hợp đồng phải xác định rõ chủ thể, quyền và nghĩa vụ của từng chủ thể.</u> 3. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ thông tin quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật này, người tiêu dùng có quyền sau đây: a) <u>Thỏa thuận lựa chọn cách thức xử lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân kinh doanh;</u> b) <u>Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng đã giao kết và thông báo cho tổ chức, cá nhân kinh doanh. Người tiêu dùng không phải</u>
--	--	---

cung cấp không đúng, không đầy đủ thông tin theo quy định; d) Buộc hoặc yêu cầu người tiêu dùng phải trả chi phí để được phép thực hiện việc chấm dứt hợp đồng đã giao kết ngoài trừ chi phí đối với phần hàng hóa, dịch vụ đã được người tiêu dùng sử dụng. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b và d khoản 1 Điều này.	<u>cá nhân kinh doanh cung cấp không chính xác, không đầy đủ thông tin theo quy định.</u> 3. Phạt tiền gấp hai lần mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm <u>được thực hiện trong giao dịch trên không gian mạng hoặc thuộc trường hợp cung cấp dịch vụ liên tục thông qua giao dịch từ xa.</u> 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d và g khoản 2 Điều này.	<u>trả bất kỳ chi phí nào dưới mọi hình thức để chấm dứt thực hiện hợp đồng, trừ chi phí đối với phần sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.</u> c) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu hoặc hủy bỏ hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự. 4. <u>Trường hợp người tiêu dùng đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải hoàn trả cho người tiêu dùng khoản tiền đã thanh toán tương ứng với phần sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chưa sử dụng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người tiêu dùng tuyên bố đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng.</u> Quá thời hạn này, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự. Việc hoàn trả được thực hiện theo phương thức mà người tiêu dùng đã thanh toán, trừ trường hợp người tiêu dùng đồng ý thanh toán bằng phương thức khác. Trường hợp việc chấm dứt thực hiện hợp đồng gây thiệt hại cho người tiêu dùng thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự.	
	Điều 53a. Hành vi vi phạm trong giao dịch trên không gian mạng	Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Bổ sung Điều 53a là phù hợp

	1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Ép buộc hoặc ngăn cản người tiêu dùng đăng ký sử dụng hoặc sử dụng nên tảng số trung gian khác như là điều kiện bắt buộc để sử dụng dịch vụ; b) Hạn chế quyền lựa chọn của người tiêu dùng thông qua việc sắp xếp ưu tiên lựa chọn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp trên nền tảng số mà không công khai tiêu chí lựa chọn; c) Sử dụng biện pháp ngăn cản hiển thị hoặc hiển thị không trung thực kết quả phản hồi, đánh giá của người tiêu dùng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh trên nền tảng số, trừ trường hợp phản hồi, đánh giá đó vi phạm quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội; d) Sử dụng biện pháp ngăn cản đăng ký, hoạt động, đánh giá, hiển thị phản hồi của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đ) Ngăn cản người tiêu dùng gỡ bỏ phần mềm, ứng dụng cài đặt sẵn mà không ảnh hưởng đến tính năng kỹ thuật cơ bản giúp nền tảng số vận hành bình thường hoặc buộc người tiêu dùng cài đặt phần mềm, ứng dụng kèm theo nền tảng số; e) Các hành vi khác được quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thiết lập, vận hành, cung cấp dịch vụ nền tảng số bị nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây: a) Ép buộc hoặc ngăn cản người tiêu dùng đăng ký sử dụng hoặc sử dụng nên tảng số trung gian khác như là điều kiện bắt buộc để sử dụng dịch vụ; b) Hạn chế quyền lựa chọn của người tiêu dùng thông qua việc sắp xếp ưu tiên lựa chọn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp trên nền tảng số mà không công khai tiêu chí lựa chọn; c) Sử dụng biện pháp ngăn cản hiển thị hoặc hiển thị không trung thực kết quả phản hồi, đánh giá của người tiêu dùng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh trên nền tảng số, trừ trường hợp phản hồi, đánh giá đó vi phạm quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội; d) Sử dụng biện pháp ngăn cản đăng ký, hoạt động, đánh giá, hiển thị phản hồi của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đ) Ngăn cản người tiêu dùng gỡ bỏ phần mềm, ứng dụng cài đặt sẵn mà không ảnh hưởng đến tính năng kỹ thuật cơ bản giúp nền tảng số vận hành bình thường hoặc buộc người tiêu dùng cài đặt phần mềm, ứng dụng kèm theo nền tảng số; e) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. 4. Tổ chức, cá nhân bị nghiêm cấm lợi dụng việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để xâm phạm
--	---	---

	2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian có một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Hành vi quy định tại khoản 1 Điều này; b) Không chỉ định, công bố công khai đầu mối liên hệ, người đại diện được ủy quyền phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; c) Không xây dựng hoặc không công bố công khai quy chế hoạt động của nền tảng số trung gian cho người tiêu dùng, trong đó phần định rõ trách nhiệm của các bên tham gia giao dịch; d) Không cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên nền tảng số trung gian khi người tiêu dùng giao dịch	lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác. Điều 39. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh với người tiêu dùng trong giao dịch trên không gian mạng 1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trên không gian mạng bao gồm: a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thông qua hệ thống thông tin tự mình thiết lập hoặc thông qua nền tảng số; b) Tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian; 2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trên không gian mạng có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Luật này, Mục 2 Chương này trong trường hợp cung cấp dịch vụ liên tục. 3. Ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này, <u>tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian có trách nhiệm</u> sau đây: a) Chỉ định, công bố công khai đầu mối liên hệ, người đại diện được ủy quyền phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; b) Xây dựng, công bố công khai quy chế hoạt động của nền tảng số trung gian cho người tiêu dùng, trong đó phần định rõ trách nhiệm của các bên tham gia giao dịch; c) Cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên nền tảng số trung gian khi người tiêu dùng giao dịch với tổ chức, cá nhân kinh doanh đó có yêu cầu;	
--	---	--	--

	với tổ chức, cá nhân kinh doanh đó có yêu cầu: đ) Không cho phép người tiêu dùng phản hồi, đánh giá về tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh bán, cung cấp, đồng thời, đồng thời hiển thị đầy đủ, chính xác kết quả phản hồi, đánh giá, trừ trường hợp pháp luật, đánh giá đó vì phạm quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội; đ) Không hiển thị đầy đủ, minh bạch thông tin sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh bán, cung cấp, bao gồm các nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa, trừ hàng hóa, trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo quy định; g) Không chỉ định hoặc không công bố công khai đầu mỗi tiếp nhân và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, nội dung thông tin trên nền tảng số trung gian; h) Không tiếp nhận hoặc không giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng đối với tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian, nền tảng số trung gian; i) Không có biện pháp cho phép hiển thị ưu tiên đánh giá, phản ánh, kiến nghị của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc tổ chức đánh giá giá tin nhiệm theo quy định của pháp luật; k) Không trực tiếp lưu trữ thông tin hoặc cung cấp giải pháp lưu trữ thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các giao dịch liên	d) Cho phép người tiêu dùng phản hồi, đánh giá về tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh bán, cung cấp, đồng thời hiển thị đầy đủ, chính xác kết quả phản hồi, đánh giá, trừ trường hợp pháp luật, đánh giá đó vì phạm quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội; đ) Hiển thị đầy đủ, minh bạch thông tin sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh bán, cung cấp, bao gồm các nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa, trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm, bao gồm: ngày, tháng, năm sản xuất; thời hạn sử dụng; số lô sản xuất; số khung, số máy; tiêu chuẩn kết quả cần đạt được trong cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; e) Chỉ định, công bố công khai đầu mỗi tiếp nhân và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, nội dung thông tin trên nền tảng số trung gian; tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng đối với tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian; g) Có biện pháp cho phép hiển thị ưu tiên đánh giá, phản ánh, kiến nghị của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc tổ chức đánh giá giá tin nhiệm theo quy định của pháp luật; h) Trực tiếp lưu trữ thông tin hoặc cung cấp giải pháp lưu trữ thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các giao dịch liên quan, cho phép người tiêu dùng truy cập, truy vết, tải, lưu trữ và in hóa đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến
--	---	---

quan theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 39 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: l) Không minh bạch hoạt động quảng cáo trên không gian mang theo quy định của pháp luật trong trường hợp có hoạt động quảng cáo; m) Không cung cấp báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, chính xác về các hoạt động kiểm duyệt nội dung đã thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; n) Không duy trì tài khoản báo cáo trực tuyến, cung cấp không chính xác, đầy đủ thông tin, dữ liệu cập nhật đến thời điểm được yêu cầu báo cáo để phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; o) Không xác thực danh tính tổ chức, cá nhân bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số trung gian của mình; p) Không chịu trách nhiệm với người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh trong nước và nước ngoài bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam;	giao dịch trên nền tảng số trung gian mà mình quản lý; i) Minh bạch hoạt động quảng cáo trên không gian mang theo quy định của pháp luật trong trường hợp có hoạt động quảng cáo; k) Cung cấp báo cáo về các hoạt động kiểm duyệt nội dung đã thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; l) Duy trì tài khoản báo cáo trực tuyến và cung cấp thông tin, dữ liệu cập nhật đến thời điểm được yêu cầu báo cáo để phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; m) Xác thực danh tính tổ chức, cá nhân bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số trung gian của mình; n) Chịu trách nhiệm với người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh trong nước và nước ngoài bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam; o) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số lớn có môi trường các hành vi vi phạm sau đây: a) Hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;	4. Tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số lớn phải thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này và có trách nhiệm sau đây: a) Thiết lập kho lưu trữ quảng cáo có sử dụng thuật toán để hướng đến người tiêu dùng, nhóm người tiêu dùng cụ thể;

Điều 54. Hành vi vi phạm về cung cấp dịch vụ liên tục 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ liên tục tới người tiêu dùng có một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không cung cấp đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; b) Không ký hợp đồng bằng văn bản hoặc không cung cấp cho người tiêu dùng một bản hợp đồng theo quy định; c) Yêu cầu người tiêu dùng thanh toán tiền trước khi dịch vụ được cung cấp đến	b) <u>Không thiết lập kho lưu trữ quảng cáo có sử dụng thuật toán để hướng đến người tiêu dùng, nhóm người tiêu dùng cụ thể;</u> c) <u>Không đánh giá định kỳ hoạt động kiểm duyệt nội dung, việc sử dụng hệ thống thuật toán và quảng cáo hướng đến người tiêu dùng, nhóm người tiêu dùng cụ thể;</u> d) <u>Không đánh giá định kỳ việc thực hiện quy định xử lý tài khoản giả, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo, các giải pháp tư đồng toàn bộ hoặc tư đồng một phần;</u> đ) <u>Không công bố công khai tiêu chí xác định ưu tiên hiển thị sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nếu nền tảng số có chức năng tìm kiếm;</u> e) <u>Không công khai việc nội dung hiển thị là nội dung có thu phí hoặc được tài trợ tại kết quả tìm kiếm sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;</u> g) <u>Không cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu không đúng thời hạn đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi được yêu cầu theo quy định.</u> Điều 54. Hành vi vi phạm về cung cấp dịch vụ liên tục 1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Không chỉ định đại diện theo ủy quyền tại Việt Nam trong trường hợp không có đại diện theo pháp luật tại Việt Nam;</u> b) <u>Không thông báo công khai về đại diện theo pháp luật tại Việt Nam hoặc đại diện theo ủy quyền tại Việt Nam trong trường hợp không có đại diện theo pháp luật tại Việt Nam theo quy định;</u>	b) <u>Đánh giá định kỳ hoạt động kiểm duyệt nội dung, việc sử dụng hệ thống thuật toán và quảng cáo hướng đến người tiêu dùng, nhóm người tiêu dùng cụ thể;</u> c) <u>Đánh giá định kỳ việc thực hiện quy định xử lý tài khoản giả, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo, các giải pháp tư đồng toàn bộ hoặc tư đồng một phần.</u> 5. <u>Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.</u>	Mục 2. CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN TỤC Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ liên tục 1. <u>Tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ liên tục trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm thông báo công khai về đại diện theo pháp luật tại Việt Nam. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ liên tục trên lãnh thổ Việt Nam không có đại diện theo pháp luật tại Việt Nam thì phải chỉ định đại diện theo ủy quyền tại Việt Nam và thông báo công khai về đại diện theo ủy quyền tại Việt Nam. Đại diện của tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm</u>	Sửa đổi, bổ sung Điều 54 là phù hợp
--	--	--	--	--

người tiêu dùng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác; d) Không thông báo trước cho người tiêu dùng chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày ngừng cung cấp dịch vụ trong trường hợp sửa chữa, bảo trì hoặc nguyên nhân khác theo quy định, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc pháp luật có quy định khác; đ) Không kịp thời kiểm tra, giải quyết trong trường hợp người tiêu dùng thông báo sự cố về chất lượng dịch vụ theo quy định; e) Đơn phương chấm dứt hợp đồng, ngừng cung cấp dịch vụ mà không có lý do chính đáng; g) Từ chối hoặc gây cản trở người tiêu dùng chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ theo quy định; h) Buộc người tiêu dùng phải thanh toán chi phí đối với phần dịch vụ chưa sử dụng. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.	<u>c) Yêu cầu người tiêu dùng thanh toán tiền trước khi dịch vụ được cung cấp đến người tiêu dùng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác:</u> <u>đ) Đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ không đúng hợp đồng hoặc trái quy định của pháp luật:</u> <u>đ) Không thông báo trước cho người tiêu dùng về thời gian ngừng cung cấp dịch vụ và thời gian cung cấp lại dịch vụ chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày ngừng cung cấp dịch vụ trong trường hợp cần sửa chữa, bảo trì hoặc vì lý do khác, trừ trường hợp bất khả kháng:</u> <u>e) Không thực hiện việc kiểm tra thường xuyên chất lượng dịch vụ mà mình cung cấp, bảo đảm chất lượng dịch vụ như đã cam kết với người tiêu dùng theo quy định:</u> <u>h) Không ký hợp đồng cung cấp dịch vụ liên tục bằng văn bản hoặc không cung cấp cho người tiêu dùng một bản hợp đồng theo quy định:</u> <u>l) Hợp đồng theo mẫu về cung cấp dịch vụ liên tục không có đầy đủ các nội dung theo quy định hoặc có nội dung không đúng theo quy định của pháp luật:</u>	<u>thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.</u> <u>2. Không được yêu cầu người tiêu dùng thanh toán bất kỳ khoản tiền nào trước khi dịch vụ được cung cấp đến người tiêu dùng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</u> <u>3. Không được đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, ngừng cung cấp dịch vụ không đúng hợp đồng hoặc trái quy định của pháp luật.</u> <u>Trường hợp cần sửa chữa, bảo trì hoặc vì lý do khác bất buộc phải ngừng cung cấp dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ phải thông báo trước cho người tiêu dùng về thời gian ngừng cung cấp dịch vụ và thời gian cung cấp lại dịch vụ chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày ngừng cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp bất khả kháng.</u> <u>4. Thường xuyên kiểm tra chất lượng dịch vụ mà mình cung cấp, bảo đảm chất lượng dịch vụ như đã cam kết với người tiêu dùng.</u> <u>5. Thực hiện quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Luật này trong trường hợp cung cấp dịch vụ liên tục thông qua giao dịch từ xa.</u> Điều 42. Hợp đồng cung cấp dịch vụ liên tục <u>1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ liên tục phải được lập thành văn bản và cung cấp cho người tiêu dùng 01 bản.</u> <u>2. Hợp đồng theo mẫu về cung cấp dịch vụ liên tục phải có nội dung quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này và các nội dung sau đây:</u> <u>a) Tên, địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên hệ khác (nếu có) của tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc đại diện của tổ chức, cá nhân kinh doanh tại Việt Nam (nếu có);</u> <u>b) Mô tả dịch vụ được cung cấp;</u> <u>c) Thời điểm và thời hạn cung cấp dịch vụ;</u>
--	--	---

Điều 55. Hành vi vi phạm về hợp đồng bán hàng tận cửa 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh bán hàng tận cửa có một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Người bán hàng tận cửa không giới thiệu tên của thương nhân kinh doanh, số điện thoại liên lạc, địa chỉ, trụ sở, địa chỉ cơ sở chịu trách nhiệm về đề nghị giao kết hợp đồng; b) Người bán hàng tận cửa cố tình tiếp xúc với người tiêu dùng để đề nghị giao	k) <u>Từ chối hoặc gây cản trở người tiêu dùng chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ theo quy định.</u> l) <u>Bước người tiêu dùng phải thanh toán chi phí đối với phần dịch vụ chưa sử dụng.</u> 2. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trong giao dịch trên không gian mạng. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c và điểm 1 khoản 1 Điều này; b) Buộc sửa đổi hợp đồng theo mẫu theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm i, khoản 1 Điều này.	d) <u>Thông tin chính xác, đầy đủ về các khoản phí, chi phí, cách thức tính phí, chi phí có thể phát sinh và các điều kiện giao dịch chung được áp dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng.</u> đ) <u>Thông báo cho người tiêu dùng về việc nộp phí để tiếp tục sử dụng dịch vụ theo cách thức đã được thỏa thuận tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày hết hạn sử dụng dịch vụ.</u> e) <u>Thông báo cho người tiêu dùng về thời điểm kết thúc hợp đồng theo cách thức đã được thỏa thuận tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày hợp đồng kết thúc.</u> 3. <u>Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, người tiêu dùng có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ liên tục tại bất kỳ thời điểm nào và thông báo cho tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp người tiêu dùng đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, người tiêu dùng chỉ phải thanh toán đối với phần dịch vụ mà mình đã sử dụng.</u>	Điều 55. Hành vi vi phạm về hợp đồng bán hàng tận cửa 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Cá nhân bán hàng tận cửa không giới thiệu tên, số điện thoại, địa chỉ, trụ sở của tổ chức, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm về hoạt động bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoặc không cung cấp tài liệu chứng</u>	Điều 55. Hành vi vi phạm về hoạt động bán hàng tận cửa 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Cá nhân bán hàng tận cửa không giới thiệu tên, số điện thoại, địa chỉ, trụ sở của tổ chức, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm về hoạt động bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoặc không cung cấp tài liệu chứng</u>	Mục 3. BÁN HÀNG TRỰC TIẾP Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong hoạt động bán hàng tận cửa 1. <u>Tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động bán hàng tận cửa thông qua các hình thức sau đây:</u> a) <u>Tư mình thực hiện;</u> b) <u>Người lao động của tổ chức, cá nhân kinh doanh;</u> c) <u>Đại diện được thuê hoặc được ủy quyền.</u> 2. <u>Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này khi bán hàng tận cửa có trách nhiệm sau đây:</u>	Sửa đổi, bổ sung Điều 55 là phù hợp
--	--	---	---	--	---	--

kết hợp đồng trong trường hợp người tiêu dùng đã từ chối; c) Từ chối cho người tiêu dùng rút lại giao kết trong trường hợp người tiêu dùng gửi văn bản thông báo về việc rút lại giao kết trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng; d) Buộc người tiêu dùng thanh toán hoặc thực hiện các nghĩa vụ khác theo hợp đồng trước khi hết thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đ) Từ chối trách nhiệm đối với hoạt động của người bán hàng tận cửa trong trường hợp người đó gây thiệt hại cho người tiêu dùng. e) Không giải thích đầy đủ, chính xác cho người tiêu dùng về điều kiện của hợp đồng, các thông tin liên quan đến hàng hóa, dịch vụ sẽ giao dịch với người tiêu dùng; g) Hợp đồng bán hàng tận cửa không được lập thành văn bản và giao cho người tiêu dùng một bản theo quy định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.	<u>minh mối quan hệ với tổ chức, cá nhân kinh doanh:</u> <u>b) Cá nhân bán hàng tận cửa vẫn tiếp tục đề nghị bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khi người tiêu dùng đã từ chối;</u> <u>c) Không giải thích cho người tiêu dùng hoặc giải thích không đầy đủ, không chính xác hoặc không rõ ràng về nội dung hợp đồng, thông tin mà người tiêu dùng quan tâm liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.</u>	<u>a) Giới thiệu tên, số điện thoại, địa chỉ, tru sở của tổ chức, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm về hoạt động bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; cung cấp tài liệu chứng minh mối quan hệ với tổ chức, cá nhân kinh doanh;</u> <u>b) Không được tiếp tục đề nghị bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khi người tiêu dùng đã từ chối;</u> <u>c) Giải thích cho người tiêu dùng đầy đủ, chính xác, rõ ràng về nội dung hợp đồng, thông tin mà người tiêu dùng quan tâm liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.</u> 3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải chịu trách nhiệm đối với hoạt động bán hàng của cá nhân bán hàng tận cửa quy định tại khoản 1 Điều này.	
	<u>d) Hợp đồng bán hàng tận cửa không được lập thành văn bản hoặc không cung cấp cho người tiêu dùng một bản hợp đồng theo quy định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;</u> <u>đ) Không dành tối thiểu 03 ngày làm việc kể từ ngày giao kết hợp đồng bán hàng tận cửa bằng văn bản để người tiêu dùng cân nhắc lại việc quyết định thực hiện hợp đồng;</u> <u>e) Cản trở người tiêu dùng thực hiện quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng đã giao kết theo quy định;</u> <u>h) Từ chối trách nhiệm đối với hoạt động của cá nhân bán hàng tận cửa trong trường hợp người đó gây thiệt hại cho người tiêu dùng.</u> 2. Biện pháp khắc phục hậu quả:	Điều 44. Hợp đồng bán hàng tận cửa <u>1. Hợp đồng bán hàng tận cửa phải được lập thành văn bản và cung cấp cho người tiêu dùng 01 bản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</u> <u>2. Trường hợp hợp đồng bán hàng tận cửa được lập thành văn bản thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải dành tối thiểu 03 ngày làm việc kể từ ngày giao kết hợp đồng để người tiêu dùng cân nhắc lại việc quyết định thực hiện hợp đồng. Trong thời hạn này, người tiêu dùng có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng đã giao kết và thông báo cho tổ chức, cá nhân kinh doanh.</u>	

Điều 56. Hành vi vi phạm về trách nhiệm bảo hành hàng hóa 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh hàng hóa có một trong các hành vi vi phạm sau đây trong trường hợp hàng hóa bảo hành có giá trị dưới 20.000.000 đồng:	Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.	3. Trường hợp hợp đồng bán hàng tận cửa được lập thành văn bản, khi ký kết hợp đồng, người tiêu dùng phải tự ghi ngày, tháng, năm giao kết.	Sửa đổi, bổ sung Điều 56 là phù hợp
Điều 58. Hành vi vi phạm về bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây trong trường hợp giá trị giao dịch của sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành dưới 20.000.000 đồng: a) Không cung cấp cho người tiêu dùng Giấy tiếp nhận bảo hành trong đó ghi rõ thời gian thực hiện bảo hành; b) Không cung cấp cho người tiêu dùng hàng hóa, linh kiện, phụ kiện tương tự để sử dụng tạm thời hoặc không có hình thức giải quyết khác được người tiêu dùng chấp nhận trong thời gian thực hiện bảo hành; c) Không đổi hàng hóa, linh kiện, phụ kiện mới tương tự hoặc thu hồi hàng hóa, linh kiện, phụ kiện và trả lại tiền cho người tiêu dùng trong trường hợp hết thời gian thực hiện bảo hành mà không sửa chữa được hoặc không khắc phục được lỗi; d) Không đổi hàng hóa, linh kiện, phụ kiện mới tương tự hoặc thu hồi hàng hóa	Điều 58. Hành vi vi phạm về bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây trong trường hợp giá trị giao dịch của sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành dưới 20.000.000 đồng: a) Không thực hiện chính xác, đầy đủ trách nhiệm, chính sách bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện do mình cung cấp; b) Không cung cấp cho người tiêu dùng văn bản tiếp nhận bảo hành hoặc hình thức tiếp nhận bảo hành không tương đương khác, trong đó ghi rõ thời gian thực hiện bảo hành; c) Không thực hiện đúng quy định về thời hạn bảo hành khi thay thế linh kiện, phụ kiện hoặc đổi sản phẩm, hàng hóa mới.	Điều 30. Bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện 1. Sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành theo thỏa thuận của các bên hoặc bắt buộc bảo hành theo quy định của pháp luật. 2. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành, tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm sau đây: a) Công bố công khai chính sách bảo hành. Chính sách bảo hành bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: thời điểm, thời hạn áp dụng, nội dung, phạm vi, phương thức thực hiện bảo hành và các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hành của tổ chức, cá nhân kinh doanh; b) <u>Thực hiện chính xác, đầy đủ trách nhiệm bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện do mình cung cấp;</u> c) <u>Cung cấp cho người tiêu dùng văn bản tiếp nhận bảo hành hoặc hình thức tiếp nhận bảo hành tương đương khác, trong đó ghi rõ thời gian thực hiện bảo hành. Thời gian thực hiện bảo hành không tính vào thời hạn bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện.</u> <u>Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh thay thế linh kiện, phụ kiện thì thời hạn bảo hành linh kiện, phụ kiện đó được tính lại từ thời điểm thay thế linh kiện, phụ kiện.</u> <u>Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh đổi sản phẩm, hàng hóa mới thì thời hạn bảo hành sản phẩm, hàng hóa đó được tính lại từ thời điểm đổi mới sản phẩm, hàng hóa;</u>	

và trả lại tiền cho người tiêu dùng trong trường hợp đã thực hiện bảo hành hàng hóa, linh kiện, phụ kiện từ 03 lần trở lên trong thời hạn bảo hành mà vẫn không khắc phục được lỗi; đ) Không trả chi phí sửa chữa, vận chuyển hàng hóa, linh kiện, phụ kiện đến nơi bảo hành và từ nơi bảo hành đến nơi cư trú của người tiêu dùng; e) Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo hành hàng hóa, linh kiện, phụ kiện đã cam kết với người tiêu dùng; g) Từ chối trách nhiệm về việc bảo hành hàng hóa, linh kiện, phụ kiện cho người tiêu dùng trong trường hợp đã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc bảo hành. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp hàng hóa, linh kiện, phụ kiện liên quan có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp hàng hóa, linh kiện, phụ kiện liên quan có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp hàng hóa, linh kiện, phụ kiện liên quan có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.	<u>d) Không cung cấp cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện tương tự để sử dụng tạm thời hoặc có hình thức giải quyết phù hợp theo thỏa thuận với người tiêu dùng trong thời gian thực hiện bảo hành.</u> <u>đ) Không đổi sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện mới tương tự hoặc thu hồi sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện và trả lại tiền cho người tiêu dùng trong trường hợp hết thời gian thực hiện bảo hành mà không sửa chữa được hoặc không khắc phục được lỗi hoặc trong trường hợp đã thực hiện bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện từ 03 lần trở lên trong thời hạn bảo hành mà vẫn không khắc phục được lỗi.</u> <u>e) Không chịu chi phí sửa chữa, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện từ nơi ở của người tiêu dùng hoặc nơi sử dụng sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện đến nơi bảo hành và từ nơi bảo hành đến nơi ở của người tiêu dùng hoặc nơi sử dụng sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện.</u> <u>g) Không chịu trách nhiệm về việc bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện cho người tiêu dùng cả trong trường hợp ủy quyền hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc bảo hành.</u> 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị giao dịch của sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.	<u>d) Cung cấp cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện tương tự để sử dụng tạm thời hoặc có hình thức giải quyết phù hợp theo thỏa thuận giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh trong thời gian thực hiện bảo hành.</u> <u>đ) Đổi sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện mới tương tự hoặc thu hồi sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện và trả lại tiền cho người tiêu dùng trong trường hợp hết thời gian thực hiện bảo hành mà không sửa chữa được hoặc không khắc phục được lỗi hoặc trong trường hợp đã thực hiện bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện từ 03 lần trở lên trong thời hạn bảo hành mà vẫn không khắc phục được lỗi.</u> <u>e) Chịu chi phí sửa chữa, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện từ nơi ở của người tiêu dùng hoặc nơi sử dụng sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện đến nơi bảo hành và từ nơi bảo hành đến nơi ở của người tiêu dùng hoặc nơi sử dụng sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện.</u> <u>g) Chịu trách nhiệm về việc bảo hành sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện cho người tiêu dùng cả trong trường hợp ủy quyền hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc bảo hành.</u>
--	---	--

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp hàng hóa, linh kiện, phụ kiện liên quan có giá trị từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng. 6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp hàng hóa, linh kiện, phụ kiện liên quan có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng. 7. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp hàng hóa, linh kiện, phụ kiện liên quan có giá trị từ 2.000.000.000 đồng trở lên.	3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị giao dịch của sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị giao dịch của sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. 5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị giao dịch của sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng. 6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị giao dịch của sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng. 7. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị giao dịch của sản phẩm, hàng hóa, linh kiện, phụ kiện được bảo hành từ 2.000.000.000 đồng trở lên.		Điều 57. Hành vi vi phạm về trách nhiệm thu hồi hàng hóa có khuyết tật 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thương nhân	Điều 59. Hành vi vi phạm về trách nhiệm đối với sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật	Điều 32. Trách nhiệm đối với sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật	Sửa đổi, bổ sung Điều 57 là phù hợp
--	--	--	---	--	---	---

sản xuất, nhập khẩu hàng hóa có khuyết tật có một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không tiến hành biện pháp cần thiết để ngừng việc cung cấp hàng hóa có khuyết tật trên thị trường; b) Không thực hiện đúng việc thu hồi hàng hóa có khuyết tật theo nội dung đã thông báo công khai hoặc không thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi. 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với thương nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa có khuyết tật có một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thông báo công khai về hàng hóa khuyết tật và việc thu hồi hàng hóa đó theo quy định; b) Không báo cáo kết quả thu hồi hàng hóa có khuyết tật cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thu hồi hàng hóa có khuyết tật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.	1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) <u>Không thực hiện việc công khai hoặc công khai, thông báo công khai không đầy đủ nội dung theo quy định về sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật và việc thu hồi sản phẩm, hàng hóa đó:</u> b) <u>Không thực hiện báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trước và sau khi thực hiện việc thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật theo quy định.</u> 2. <u>Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:</u> a) <u>Không kịp thời tiến hành các biện pháp cần thiết để ngừng việc cung cấp và thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật trên thị trường theo quy định.</u> b) <u>Không thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong quá trình thu hồi và xử lý sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật:</u> c) <u>Không thực hiện đúng việc thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật theo nội dung đã báo cáo, thông báo thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi.</u> 3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật nhóm A.	1. Khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật, tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm sau đây: a) <u>Thu hồi và xử lý sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật theo quy định tại Điều 33 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> b) <u>Thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong quá trình thu hồi và xử lý sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật:</u> c) <u>Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trước và sau khi thực hiện việc thu hồi; thực hiện việc thu hồi đúng nội dung đã báo cáo, thông báo</u> <u>và chịu các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi.</u> 2. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh nơi thực hiện thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện để bảo đảm việc thu hồi đúng nội dung đã báo cáo, thông báo, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp việc thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật được tiến hành trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên thì cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi
---	---	--

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật nhóm A. 5. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 đến khoản 4 Điều này trong trường hợp việc thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật được tiến hành trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều này.	người tiêu dùng ở trung ương và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở trung ương có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Điều 33. Thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật 1. Sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật bao gồm: a) Sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật nhóm A là sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của người tiêu dùng; b) Sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật nhóm B là sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây thiệt hại cho tài sản của người tiêu dùng; c) Sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật có khả năng gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng thì áp dụng các quy định đối với sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật nhóm A. 2. Trường hợp phát hiện sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật nhóm A, tổ chức, cá nhân kinh doanh tự mình hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc cơ quan quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực liên quan có trách nhiệm sau đây: <i>a) Kịp thời tiến hành mọi biện pháp cần thiết để ngừng việc cung cấp và thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật trên thị trường;</i> <i>b) Công khai về sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật và việc thu hồi sản phẩm, hàng hóa đó theo hình thức niêm yết tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) của tổ chức, cá nhân kinh doanh cho đến khi kết thúc việc thu hồi;</i>
---	--